

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐỒNG BẰNG VĂN BẢN**

(Về việc thông qua các nội dung lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông năm 2024)

**Kính gửi:**

- Ông/Bà/Tổ chức:.....
- Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở tổ chức:.....
- Quốc tịch:.....
- Số lượng cổ phần sở hữu:.....

Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG

Địa chỉ trụ sở chính : Số 214 ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, Kiên Giang

Điện thoại : 02973854359 Fax: 02973759353

Mã số doanh nghiệp : 1700105088

**I. Mục đích lấy ý kiến:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản để biểu quyết thông qua một số nội dung cụ thể như sau:

- (1) Miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.
- (2) Điều chỉnh Điều lệ Công ty do thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật.
- (3) Phương án tạm ứng chia cổ tức năm 2023 cho Cổ đông;

**II. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN THÔNG QUA**

Stt	Nội dung cần lấy ý kiến	Các phương án biểu quyết			Bầu bổ sung TV HĐQT	
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết <sup>1</sup>	Số phiếu khác <sup>2</sup>
1	<b>Thông qua việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT:</b>  - Miễn nhiệm thành viên HĐQT có Đơn từ nhiệm sau: ❖ Ông: Lương Khánh Thiện (kèm theo Đơn từ nhiệm ngày 31/12/2023)					

<sup>1</sup> Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: là tổng số cổ phần Cổ đông đang sở hữu.

Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phần thì số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT:  $100 \times 1 = 100$  phiếu

<sup>2</sup> Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu. Lưu ý: Số phiếu khác không vượt tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

	- Bổ sung thành viên HĐQT theo Đơn đề cử gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến này. Cụ thể: ❖ Ông: <i>Phạm Minh Tuấn</i> (kèm theo Đơn đề cử và Sơ yếu lý lịch ngày 02/01/2024)				
2	<b>Thông qua nội dung điều chỉnh Điều lệ Công ty do thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật.</b>  <i>Theo Tờ trình và Dự thảo Điều lệ điều chỉnh kèm theo</i>				
3	<b>Thông nhất phương án tạm ứng chia cổ tức năm 2023 cho Cổ đông.</b>  <i>Theo Tờ trình kèm theo.</i>				

### III. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI TRONG PHIẾU LẤY Ý KIẾN

- Đối với nội dung bầu bổ sung Thành viên HĐQT: Cổ đông bầu cử bằng cách đánh dấu “X” (hoặc “√”) vào 1 trong 2 ô “100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết” hoặc “Số phiếu khác”. Đối với ô “Số phiếu khác” Cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết và không vượt tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Đối với nội dung biểu quyết khác: Cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu “X” (hoặc “√”) vào 1 trong 3 ô “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”.
- Phiếu lấy ý kiến được xác định là hợp lệ hoặc không hợp lệ hoặc không tham gia biểu quyết được xác định căn cứ trên cơ sở quy định của Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được gửi kèm theo.

#### (1) THỜI HẠN GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ CÔNG TY

Thời hạn phản hồi Phiếu lấy ý trả lời của Cổ đông trước .....h..... ngày ....../...../2024.

Thời điểm nhận Phiếu lấy ý kiến trả lời được xác định căn cứ trên cơ sở thời điểm Công ty tiếp nhận Phiếu lấy ý kiến trả lời từ Cổ đông (đối với trường hợp Cổ đông gửi trực tiếp) hoặc thời điểm được ghi nhận báo phát thành công cho Công ty (đối với trường hợp Cổ đông gửi qua đường bưu điện).

#### (2) HÌNH THỨC VÀ ĐỊA CHỈ GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ CÔNG TY.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được gửi trong phong bì dán kín (đã gửi kèm cho Quý cổ đông) tới địa chỉ:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang
- Địa chỉ: Số 214 ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: 02973854359 - 0918568927

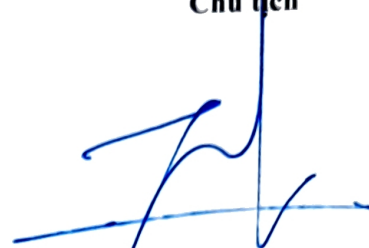
*(Phiếu lấy ý kiến phải được Quý cổ đông ký và ghi rõ họ tên, trường hợp người ủy quyền*

phải có giấy ủy quyền kèm theo, trường hợp là tổ chức phải được người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu theo quy định).

**XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG**

(Ký và ghi rõ họ tên nếu cổ đông là cá nhân;  
ký bởi người đại diện hợp pháp, ghi rõ họ tên và  
đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

A handwritten signature in blue ink, consisting of several fluid, connected strokes. The signature is positioned above the printed name 'Nguyễn Duy Chính'.

**Nguyễn Duy Chính**





## GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: **Biểu quyết lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ")**

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG**

### 1. Nội dung ủy quyền:

#### ❖ Bên ủy quyền:

- Tên Cổ đông : .....
- Số cổ phần sở hữu : .....
- CMND/CCCD/ Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN: ..... Ngày cấp: ...../...../.....
- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức: .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại : .....

#### ❖ Bên nhận ủy quyền:

- Tên cá nhân/Tổ chức : .....
- CMND/CCCD/ Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN: ..... Ngày cấp: ...../...../.....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại : .....

**Lưu ý:** Trong trường hợp bên được ủy quyền là tổ chức, vui lòng gửi kèm văn bản ủy quyền của tổ chức đó cho người đại diện của tổ chức thực hiện việc biểu quyết, nếu người đó không phải là người đại diện theo pháp luật.

#### Nội dung ủy quyền:

Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện biểu quyết các nội dung lấy ý kiến bằng văn bản của ĐHĐCĐ năm 2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày ...../...../.....

Bên được ủy quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại.

### 2. Ghi chú:

- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hết thời hạn lấy ý kiến.
- Các Bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại hay tranh chấp nào sau này.

**Bên nhận ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Kiên Giang, ngày ... tháng ... năm 2024  
**Bên ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

#### **Khi nộp lại Phiếu Biểu Quyết, cổ đông phải:**

- Nộp bản chính Giấy ủy quyền này; và
- Nộp bản sao CMND hoặc CCCD/hộ chiếu của Người được ủy quyền.



## QUY CHẾ LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang ("Công ty").

Nhằm mục đích đảm bảo cho việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được diễn ra theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT Công ty ban hành Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản áp dụng cho nội dung lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông năm 2024 với các quy định như sau:

### Điều 1: Nguyên tắc lấy ý kiến cổ đông

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.
- Tất cả vì quyền lợi của cổ đông Công ty.

### Điều 2: Đối tượng có quyền tham gia lấy ý kiến bằng văn bản

Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Người quản lý Công ty lập tại ngày 10/01/2024.

### Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

- Được quyền cho ý kiến (biểu quyết) hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc cho ý kiến đối với tất cả các vấn đề mà HĐQT xin ý kiến cổ đông.
- Mỗi cổ đông có tên trong danh sách Cổ đông sẽ được HĐQT Công ty gửi tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty, trường hợp vì lý do nào đó, cổ đông không nhận được tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì cổ đông được quyền tải tài liệu trên trang thông tin điện tử của Công ty để thực hiện việc cho ý kiến.
- Việc cho ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề mà HĐQT xin ý kiến là nghĩa vụ của tất cả cổ đông đã được quy định tại Điều Công ty.

### Điều 4: Thẻ lệ cho ý kiến biểu quyết vào Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

#### 4.1 Nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thẻ lệ cho ý kiến:

Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có các thông tin chính sau:

- Thông tin cổ đông lấy ý kiến;
- Thông tin về tổ chức lấy ý kiến;

- Mục đích lấy ý kiến;
- Nội dung lấy ý kiến thông qua;
- Hướng dẫn trả lời trong phiếu lấy ý kiến;
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;
- Hình thức và địa chỉ gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty;
- Chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**4.2 Quy định về tính hợp lệ/ không hợp lệ của Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

**4.2.1 Phiếu lấy ý kiến hợp lệ:**

- Do Công ty phát hành;
- Có đóng dấu của Công ty;
- Có chữ ký của cổ đông (đối với cổ đông là cá nhân) và có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (đối với cổ đông là tổ chức);
- Không bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa.

**4.2.2 Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ.**

Phiếu trả lời ý kiến của cổ đông sẽ được ghi nhận không hợp lệ trong các trường hợp cụ thể như sau:

- Không phải phiếu do Công ty phát hành
- Không đóng dấu của Công ty;
- Bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa;
- Không có chữ ký của cổ đông (đối với cổ đông là cá nhân) và không có chữ ký của người đại diện hợp pháp hoặc không đóng dấu (đối với cổ đông là tổ chức);
- Ghi thêm những thông tin, ký hiệu khác;
- Phong bì bị mở trước khi tiến hành kiểm phiếu;
- Phiếu trả lời do Người được ủy quyền lập và gửi về Công ty nhưng không đính kèm văn bản ủy quyền;
- Phiếu trả lời ý kiến bỏ trống không đánh dấu chọn vào bất cứ ô nào của từng vấn đề;
- Phiếu trả lời ý kiến cổ đông đánh dấu chọn vào 02 ô trở lên của từng vấn đề.

Các Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

**4.2.3** Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty quá thời hạn hoặc không gửi về hoặc các phiếu lấy ý kiến đã được Công ty gửi đến cổ đông nhưng bị hoàn trả/không gửi được do địa chỉ cổ đông đã đăng ký không chính xác được xem là không tham gia biểu quyết.

**Điều 5: Quy định việc kiểm phiếu:**

**5.1** HĐQT tổ chức việc kiểm Phiếu lấy ý kiến. Ban Kiểm phiếu gồm các thành viên được Chủ tịch HĐQT chỉ định và có sự tham gia giám sát của 01 thành viên Ban Kiểm soát



hoặc 01 Cổ đông không giữ chức vụ quản lý trong công ty. Việc kiểm phiếu thực hiện theo quy định sau:

- Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu lấy ý kiến;
- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu lấy ý kiến và thư ký ghi lại kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ Phiếu lấy ý kiến sau khi kiểm phiếu xong chuyển lưu trữ theo quy định

#### 5.2 Lập Biên bản kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chính sau:
  - ❖ Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
  - ❖ Mục đích các vấn đề lấy ý kiến;
  - ❖ Thông tin tổ chức;
  - ❖ Thành phần Ban kiểm phiếu;
  - ❖ Nguyên tắc thực hiện kiểm phiếu;
  - ❖ Kết quả kiểm phiếu;
  - ❖ Các vấn đề được thông qua
  - ❖ Chữ ký Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm phiếu và Giám sát.

#### Điều 6. Điều kiện để Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

#### Điều 7. Công bố kết quả

- Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- Nghị quyết được thông qua theo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

#### Điều 8. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 08 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- DHD/CĐ;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT







Số: 01/TTr-HDQT

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HDQT

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

### NỘI DUNG 1: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vì có đơn xin từ nhiệm đối với:

- Ông: Lương Khánh Thiện - Thành viên (kèm đơn từ nhiệm ngày 31/12/2023);

### NỘI DUNG 2: Bầu bổ sung thành viên HDQT đối với:

- Ông: **Phạm Minh Tuấn** (Kèm Đơn đề cử và Sơ yếu lý lịch ngày 02/01/2024);

Kính đề nghị Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm vị trí thành viên HDQT đối với các thành viên nêu trên và Bầu bổ sung thành viên HDQT.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

NGUYỄN DUY CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM**  
**(Xin thôi nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị)**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang**

Tôi tên: Lương Khánh Thiện

Hiện là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang ("*Công ty*").

Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận cho tôi được từ nhiệm Thành viên HĐQT Công ty, thời gian kể từ ngày 31/12/2023.

Lý do: Từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân.

Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát Công ty đã tin tưởng, hỗ trợ và tạo điều kiện để tôi hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Rất mong Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận.

Tôi xin trân trọng cảm ơn !

*Kiên Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**Người làm đơn**

**Lương Khánh Thiện**

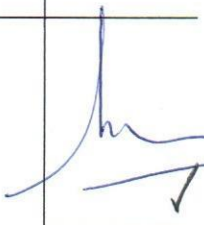


Kiên Giang, ngày ..... tháng .... năm 2024

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông  
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang**

Tôi/ Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông Công ty gồm:

STT	Họ và tên cổ đông	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số CP sở hữu trong thời hạn sáu tháng liên tục	Chữ ký
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUD KIÊN GIANG	MSDN: 1700104750; Ngày cấp: 01/10/2010; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Kiên Giang	4.206.800	91,72%	4.206.800	 .....

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử người/những người có tên sau đây để bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.

STT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Ghi chú
2	PHẠM MINH TUẤN	02/09/1975	CCCD số: 091075014280; Cấp ngày: 01/09/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	

Tôi/ Chúng tôi cam đoan những người có tên trên có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Thông báo ứng cử, đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Công ty.

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

**CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Phạm Minh Tuấn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG**  
**NHIỆM KỲ 2020-2025**

1. Họ và tên: **PHẠM MINH TUẤN**
2. Giới tính: Nam  Nữ
3. Ngày sinh: 02/09/1975
4. Nơi sinh: Ấp Đá Nổi B, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CCCD số: 091075014280 cấp ngày: 01/09/2021  
Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
7. Địa chỉ thường trú: P3-14 đường 3/2, phường An Hoà, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư
11. Quá trình công tác: (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp)



<b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)</b>
tháng 09/2001 đến 11/2004	Nhân viên xưởng thiết kế công ty tư vấn xây dựng Kiên Giang. Số 34 Trần Phú tp. Rạch giá , tỉnh Kiên Giang
tháng 12/2004 đến 12/2004	Kiến trúc sư – Công ty Đầu tư Xây dựng phát triển nhà Kiên Giang
Tháng 01/2005 đến 4/2005	Xưởng phó Xưởng thiết kế – Công ty Đầu tư Xây dựng phát triển nhà Kiên Giang
Tháng 5/2005 đến 6/2007	Xưởng phó Xưởng thiết kế – Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang
Tháng 7/2007 đến 9/2010	Phó phòng Quản lý Dự án – Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang
Tháng 10/2010 đến 6/2014	Trưởng phòng Quản lý Dự án – Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển nhà KG
Tháng 7/2014 đến 02/2018	Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD Kiên Giang
26/02/2018 đến 28/5/2019	TV HĐQT, Tổng giám đốc – Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD Kiên Giang
19 /5/2020 đến 11/11/2021	UV BTV Đảng ủy, nhiệm kỳ 2020 – 2025 Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD Kiên Giang
12-11-2021 đến nay	Bí thư Đảng ủy, nhiệm kỳ 2020 – 2025 Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD Kiên Giang Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Sản xuất VLXD Kiên Giang



12. Chức vụ, nơi công tác hiện nay:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HUD Kiên Giang
- Tổng Giám đốc – Công Cổ phần sản xuất Vật liệu xây dựng Kiên Giang

13. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại CTCP XMHTKG: 0

+Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0

+Sở hữu cá nhân: 0

14. Những người liên quan và số lượng cổ phần nắm giữ : Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền**

(chính quyền địa phương hoặc cơ quan  
nơi ứng cử viên làm việc)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Văn Sơn*

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

**NGƯỜI KHAI**

**PHẠM MINH TUẤN**





Số: 02/TTr-HDQT

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2024

## TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình thực tế.

Dựa trên tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp và theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty.

- Nội dung sửa đổi Điều lệ:

Sửa đổi “Điều 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY” như sau:

“Điều 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật: Công ty có 01 người là người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.
2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:  
Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải có mặt tại Việt Nam. Nếu người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.  
Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật

cho đến khi người này trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”

*(Điều lệ sửa đổi được đính kèm theo Tờ trình này.)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua. ✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN DUY CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CP XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG**

*Kiên Lương, ngày ..... tháng..... năm 2024*



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang được thành lập theo quy định của pháp luật và các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được thông qua và ban hành một cách hợp lệ, đưa ra các quy định ràng buộc và nguyên tắc điều chỉnh toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty (“**Điều lệ**”).

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **“Tập đoàn”** là Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Tân Á Đại Thành
- b. **“Công ty”** là gọi tắt của Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang;
- c. **“Chi Nhánh”** là đơn vị phụ thuộc của Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi Nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
- d. **“Văn Phòng Đại Diện”** là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó.
- e. **“Địa Điểm Kinh Doanh”** là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Công ty được tổ chức thực hiện. Địa Điểm Kinh Doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.
- f. **“Công ty Con”** là bất kỳ doanh nghiệp nào mà trong đó: (a) Công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó hoặc/và (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- g. **“Đơn Vị Trực Thuộc”** bao gồm Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện, Địa Điểm Kinh Doanh và Công ty Con.
- h. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 3 Điều lệ này;
- i. **“Luật doanh nghiệp”** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- j. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- k. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là:
  - Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị;
  - Giám đốc, Phó Giám đốc;
  - Người điều hành khác gồm: Giám đốc Điều hành, các chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị phê duyệt tại từng thời điểm.
- l. **“Người có liên quan”** là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020;
- m. **“(các) Cổ Đông”** là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần;
- n. **“Người Được Ủy Quyền Dự Hợp”** là bất kỳ người nào được một Cổ Đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- o. **“Sổ Đăng Ký Cổ Đông”** có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Công ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

- p. “**DHĐCD**” có nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty;
- q. “**HDQT**” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty;
- r. “**GD**” có nghĩa là Giám đốc của Công ty;
- s. “**KSV**” có nghĩa là Kiểm soát viên của Công ty;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### **ĐIỀU 1: HÌNH THỨC, TÊN GỌI VÀ TRỤ SỞ CÔNG TY**

#### **1. Tên Công ty:**

Tên viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG**

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: **HA TIEN KIEN GIANG CEMENT JOIN-STOCK COMPANY**

**2. Địa chỉ trụ sở chính: số 214, ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.**

### **ĐIỀU 2: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH**

<b>STT</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành</b>
1.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: sản xuất xi măng, xi măng poóc lăng. Clinker.	2394 ( <i>chính</i> )
2.	Khai thác quặng	0710
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát, sỏi (đất sỏi đỏ), đất sét, cao lanh, đá vôi, đá xây dựng.	0810
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh.	4933
5.	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng.	4663
6.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
7.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
8.	Bốc xếp hàng hóa	5224
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
10.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

11.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
12.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
13.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
14.	Quảng cáo	7310
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>(Trừ: dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá tài sản, dịch vụ lấy lại tài sản)</i>	8299
19.	<b>Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.</b>	<b>8219</b>
20.	<b>Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.</b>	<b>8211</b>
21.	<b>Cho thuê xe có động cơ</b>	<b>7710</b>

### **ĐIỀU 3: VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ của Công ty: **45.863.500.000 đồng** (Bằng chữ: **Bốn mươi lăm tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng**)

Trong đó vốn bằng tiền là: **45.863.500.000 đồng** (Bằng chữ: **Bốn mươi lăm tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng**)

- Tổng số cổ phần: **4.586.350** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

### **ĐIỀU 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

4.1. **Số lượng người đại diện theo pháp luật: Công ty có 01 người là người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.**

4.2. **Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:**

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.3. **Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải có mặt tại Việt Nam. Nếu người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người**

khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4.4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 4.3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người này trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp..

## **ĐIỀU 5: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục sau 02 năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới.

## **ĐIỀU 6: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh khác của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

## **ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;



- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp 2020 và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- 2.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
  - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- 3.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- 4.** Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;...; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 5.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại

hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

## **ĐIỀU 9: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **ĐIỀU 10: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản

3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

**3.** Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

## **CHƯƠNG II**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 11: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Giám đốc.

#### **ĐIỀU 12: NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

**1.** Người quản lý của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý chuyên môn khác. Người quản lý có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp 2020;

**2.** Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý chuyên môn khác tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

#### **ĐIỀU 13: DẤU CÔNG TY**

**1** Hình thức, số lượng con dấu: do Chủ tịch HĐQT quyết định tại từng thời điểm tùy vào

nhu cầu sử dụng dụng.

2. Trường hợp Công ty có 01 con dấu: Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ.
3. Trường hợp Công ty có 02 con dấu: Chủ tịch HĐQT quản lý, lưu giữ 01 con dấu; Giám đốc quản lý, lưu giữ 01 con dấu.
4. Sử dụng con dấu: thực hiện theo quy định do Chủ tịch HĐQT ban hành.

#### **ĐIỀU 14: CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **ĐIỀU 15: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài



- sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty (trường hợp này do Hội đồng quản trị quyết định).
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - m. Quyết định các vấn đề do HĐQT, Chủ tịch HĐQT đề trình liên quan đến hoạt động của Công ty;

#### **ĐIỀU 16: TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020 có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông,
  - cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông,
  - lập chương trình và nội dung cuộc họp,
  - chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp,
  - dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,
  - xác định thời gian và địa điểm họp,
- gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020,
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

#### **ĐIỀU 17: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không

quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Trong trường hợp có sai lệch hoặc có yêu cầu bổ sung thông tin cổ đông, cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Công ty, và Công ty sẽ tiến hành cung cấp, sửa đổi, bổ sung trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông.

### **ĐIỀU 18: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp năm 2020 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 19: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Địa điểm tổ chức cuộc họp: Tại tỉnh Kiên Giang hoặc thành phố Hà Nội hoặc địa điểm khác theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc các phương thức điện tử khác (email, tin nhắn, fax...).

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b. Phiếu biểu quyết;



5. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

#### **ĐIỀU 20: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **ĐIỀU 21: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

#### **ĐIỀU 22: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;

- trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
  7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
    - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

## **ĐIỀU 23: THỂ THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị Quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

**2.** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, **trừ trường hợp quy định tại khoản 5,6 Điều này:**

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Tăng, giảm vốn Điều lệ.

**3.** Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 5 và 6 Điều này.

Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

**4.** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- h. Tăng, giảm vốn Điều lệ;
- i. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Luật doanh nghiệp quy định phải biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**5.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.



6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty

## **ĐIỀU 24: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc các hình thức khác để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp 2020
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây
  - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến,

giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

6. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 25: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy

định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **ĐIỀU 26: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp 2020;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 27: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp năm 2020;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng

đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020.

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Giám đốc tài chính (nếu có), Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
  - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - p. Trình các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc vấn đề phát sinh lên ĐHĐCĐ quyết định nếu xét thấy cần thiết theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.
  - q. Thành lập Văn phòng HĐQT và/hoặc các Ủy ban trực thuộc để giúp việc cho Hội đồng quản trị.
  - r. Hủy các quyết định của Ban Giám đốc trong trường hợp xét thấy các quyết định này không phù hợp chủ trương hoặc lợi ích của Công ty/Cổ đông.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT quyết định tại từng thời điểm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các chiến lược, định hướng, quy chế, quy định và các quyết định của doanh nghiệp mà Công ty là Công ty Con và/hoặc Tập đoàn thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết và thực hiện quyền chỉ đạo các hoạt động thường nhật của Công ty;
6. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị phụ trách riêng về từng vấn đề để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.
7. Hội đồng quản trị có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác quyết định, ký kết các tài liệu và tổ chức các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của Hội đồng quản trị với điều kiện Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm với những công việc thuộc thẩm quyền của mình và không vi phạm quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 28: NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **ĐIỀU 29: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020 phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan

#### **ĐIỀU 30: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ("Chủ tịch HĐQT")**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - d. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
  - e. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ với tư cách là đại diện pháp luật Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

### **ĐIỀU 31: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác dưới hình thức họp trực tiếp hoặc dưới hình thức họp trực tuyến.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng khác.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu

kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **ĐIỀU 32: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

### **ĐIỀU 33: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Trong phạm vi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị (bằng thư điện tử hoặc văn bản), người quản lý được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin,

tài liệu theo yêu cầu cho thành viên Hội đồng quản trị đó.

### **ĐIỀU 34: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp 2020;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:
  - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b. Theo đề nghị của nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% vốn điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020.

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **ĐIỀU 35: GIÁM ĐỐC CÔNG TY ("GD")**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc theo đề cử của Chủ tịch HĐQT.
  - (i) Giám đốc và Giám đốc điều hành (nếu có) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
  - (ii) Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - (iii) Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật doanh nghiệp 2020.
2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch HĐQT;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc/và Chủ tịch HĐQT;
  - f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người

- quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT, HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm.

### **ĐIỀU 36: BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **ĐIỀU 37: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

### **ĐIỀU 38: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc



quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp 2020 thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

### **ĐIỀU 39: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **ĐIỀU 40: NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả

cho Công ty.

5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát ; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **ĐIỀU 41: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp 2020;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Theo đề nghị của nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% vốn điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **CHƯƠNG III**

#### **CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN**

#### **ĐIỀU 42: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  - c. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **ĐIỀU 43: THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **CHƯƠNG IV**

### **TÀI CHÍNH**

#### **ĐIỀU 44: THỂ LỆ QUYẾT TOÁN, LẬP QUỸ, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ**

1. Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
4. Trong trường hợp Công ty bị lỗ trong kinh doanh nhưng chưa đến mức phải tuyên bố giải thể theo quy định của pháp luật thì Công ty sẽ thực hiện xử lý phần lỗ như sau:
  - a. Lấy tiền quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.
  - b. Nếu tiền quỹ dự trữ không có hoặc có nhưng không đủ bù lỗ, thì phần lỗ còn lại phải chuyển sang năm sau trừ vào lợi nhuận của Công ty.

#### **ĐIỀU 45: CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài

sản khác.

#### **ĐIỀU 46: THỦ TỤC GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
  - b. Lý do giải thể;
  - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
  - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
  - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.
3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp.

Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:
  - a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - b. Nợ thuế và các khoản nợ khác;

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về các cổ đông Công ty.

5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.
6. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

#### **ĐIỀU 47: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ TRONG CÔNG TY**

Các tranh chấp trong kinh doanh, các tranh chấp nội bộ trong Công ty được giải quyết trên cơ sở hòa giải giữa các cổ đông với cổ đông, giữa cổ đông với Công ty theo nguyên tắc bình đẳng đoàn kết nhường nhịn lẫn nhau. Nếu không giải quyết được thì trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không quyết định được thì chuyển đến Tòa án có thẩm quyền quyết định.

#### **ĐIỀU 48: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Các nội dung liên quan đến quản trị Công ty chưa được quy định tại Điều lệ sẽ áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ có hiệu lực ngay tại thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty chỉ có hiệu lực khi được ĐHĐCĐ thông qua tại buổi họp ĐHĐCĐ.

**TM . HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**





Số: 03 /TT-ĐHQT

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2024

## TỜ TRÌNH

(Phương án tạm ứng chia cổ tức 2023)

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang (Công ty);
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 thông qua phương án tạm ứng chia cổ tức năm 2023 như sau:

### 1. Phương án tạm ứng chia cổ tức 2023

- Hình thức tạm ứng chia cổ tức: Tiền mặt
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 dự kiến: 250% Vốn điều lệ
- Số tiền tạm ứng chia cổ tức: 100% số tiền chi trả cổ tức năm 2023 dự kiến (114.658.750.000 VND)
- Thời gian chi tạm ứng cổ tức năm 2023: trong vòng 30 ngày kể từ ngày được ĐHQT thông qua.

### 2. Ủy quyền

Để thực hiện Phương án tạm ứng chia cổ tức như đã trình bày tại mục 1 của Tờ trình này, ĐHQT kính trình ĐHQT ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được quyền chủ động thực hiện: Lựa chọn thời điểm chi tạm ứng cổ tức và/hoặc chi tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo hình thức chi một đợt hoặc nhiều đợt trong phạm vi phương án tạm ứng chia cổ tức 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

NGUYỄN DUY CHÍNH

Số: ...../NQ-ĐHĐCD

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

## NGHỊ QUYẾT

### LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần .....
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số ...../BBKP-ĐHĐCD ngày tháng năm 2024;

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Thống nhất việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT theo Đơn từ nhiệm và Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung theo Tờ trình số ..... ngày .../.../2024 của Hội đồng quản trị.

**Điều 2:** Thống nhất phương án tạm ứng chia cổ tức 2023 theo Tờ trình số ..... ngày .../.../2024 của Hội đồng quản trị.

**Điều 3:** Thống nhất sửa đổi điều lệ công ty về việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật theo nội dung Tờ trình số ..... ngày .../.../2024 của Hội đồng quản trị.

**Điều 4:** Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai, chỉ đạo thực hiện các nội dung đã được Đại hội thông qua và báo cáo kết quả vào Đại hội đồng cổ đông kỳ tới.

### **Điều 5: Điều khoản thi hành**

- Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua toàn văn theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua, được lập bằng tiếng Việt và lưu tại văn phòng trụ sở Công ty.

- Các Cổ đông, Thành viên HĐQT, Ban TGD, các Ban/Phòng/Đơn vị thành viên và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động hợp lệ của Công ty.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Lưu: HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

.....